

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 28/01/2021.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hùng Minh Sang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lê Thị Ánh Sáng.

Ông Nguyễn Ngọc Giang San.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Nhật Lệ – Thư ký tòa án nhân dân huyện Long Thành.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:*** Ông Hoàng Đình Tất – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 781/2020/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 23/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST - HNGĐ ngày 11/01/2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị **Mai Thị Kim N**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: đường số 09, ấp SM, xã TH, huyện HT, tỉnh BT.

*Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: ấp 7, xã BC, huyện LT, tỉnh ĐN.

(chị N có mặt tại phiên tòa, anh Q vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 9 năm 2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Mai Thị Kim N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị và anh Q chung sống như vợ chồng từ năm 2000, cả hai tự nguyện chung sống nhưng không có đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu chị và anh Q chung sống hạnh phúc, đến năm 2009 giữa chị và anh Q xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân anh Q không làm tròn trách nhiệm với gia đình, ăn nhậu đánh đập chị nên chị đã bỏ đi đến nay đã 10 năm. Chị về BTsống sống còn anh Q sống tại xã BC, Long Thành.

Chị Yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh Q được ly hôn.

- Về con chung: Có 02 cháu.

Nguyễn Văn C, sinh ngày 05/01/2001, hiện đã trưởng thành.

Nguyễn Mai K, sinh ngày 19/10/2006.

Hiện cháu K chị đang nuôi dưỡng. Nếu ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, vì thời gian qua chị vẫn chăm sóc tốt cho cháu K, chị nuôi con không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị N trình bày không có.

- Nợ chung: Chị N trình bày không có.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn Q, trong quá trình tiến hành tố tụng và trong quá trình xét xử bị đơn anh Q không đến Tòa làm việc nên không có lời khai.*

*Những nội dung các đương sự đã thống nhất, không thống nhất:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị Kim N yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn Q, anh Q không có lời khai.

Về con chung: có 02 cháu.

Nguyễn Văn C, sinh ngày 05/01/2001 đã trưởng thành.

Nguyễn Mai K, sinh ngày 19/10/2006.

Hiện cháu K chị N đang nuôi dưỡng. Nếu ly hôn chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, chị N nuôi không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Q không có lời khai.

- Về tài sản chung: Chị N trình bày không có. Anh Q không có lời khai.

- Nợ chung: Chị N trình bày không có. Anh Q không có lời khai.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ được thực hiện đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được bảo đảm, các quyết định được tổng đạt hợp lệ, phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, chấp hành tốt pháp luật.

Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân của chị N và anh Q được xác lập sau ngày 03/01/1987, không đăng ký kết hôn là vi phạm điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố chị N và anh Q không phải là vợ chồng.

Con chung:

Cháu Nguyễn Văn C, sinh ngày 05/01/2001, hiện đã trưởng thành không xem xét.

Cháu Nguyễn Mai K, sinh ngày 09/10/2006. Chị N có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu K, xét cháu K thời gian qua chị N đã nuôi dưỡng, chăm sóc ở tỉnh BT, anh Q sống tại huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, anh Q không trực tiếp cùng chị N nuôi dưỡng cháu K. Nên giao cháu K cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, tạm thời anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có, nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thẩm quyền: Tranh chấp phát sinh giữa Mai Thị Kim N và anh Nguyễn Văn Q là tranh chấp khác về hôn nhân và gia đình mà pháp luật có quy định, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, được quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện Long Thành, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 33 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và giấy triệu tập để mời anh Q đến Tòa làm việc ngày 25/11/2020, nhưng anh Q vẫn vắng mặt không có lý do. Ngày 25/11/2020, Tòa án ra Quyết định số 188/TB-TA về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ không tiến hành hòa giải vì vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải, tổng đạt hợp lệ ngày 25/11/2020. Tòa án thông báo kết quả công khai chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt hợp lệ cho anh Q ngày 23/12/2020. Ngày 11/01/2021, anh Q vẫn vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa, tổng đạt hợp lệ cho anh Q ngày 12/01/2021. Tại phiên tòa hôm nay anh Q vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Q.

Về nội dung vụ án: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị N và anh Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 khoản 1 Luật hôn nhân gia đình năm 2000. chị N và anh Q tranh chấp ly hôn, nhưng do quan hệ hôn nhân của chị N và anh Q được xác lập sau ngày 03/01/1987 nên không được xem là hôn nhân thực tế mà căn cứ điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, tuyên bố chị N và anh Q không phải là vợ chồng.

[4]. Về con chung:

Cháu Nguyễn Văn C, sinh ngày 05/01/2001, đã trưởng thành nên không xem xét.

Cháu Nguyễn Mai K, sinh ngày 09/10/2006.

Hiện cháu K chỉ đang nuôi dưỡng, chỉ yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, chị N không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Q không có lời khai. Xét thời gian qua cháu K do chị N là người nuôi dưỡng, anh Q sống ở Long Thành nên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K. Qua tham khảo ý kiến của cháu K hiện đã trên 7 tuổi, cháu vẫn có nguyện vọng sống với chị N, cháu K là con gái. Nên giao cháu K cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng sẽ tốt hơn. Do chị N không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con, nên không buộc anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung: Chị N trình bày không có. Anh Q không có lời khai nên không xem xét.

[6]. Nợ chung: Chị N trình bày không có. Anh Q không có lời khai nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[8]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

- Điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội.

- Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mai Thị Kim N và anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung:

Chị N được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Mai K, sinh ngày 09/10/2006.

Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con, anh Q được quyền đến thăm con không ai được ngăn cản, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không xem xét.

Nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm ngàn), theo biên lai số 0004779 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị N đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn chị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- THA DS H. Long Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Hùng Minh Sang***